

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2021/HS-ST
Ngày: 29/11/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh - Cán bộ hưu trí

2/ Bà Dương Thị Thu Vân - Giáo viên trường Trung học cơ sở Tân Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lực - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2021/HSST ngày 16/9/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Phi H**, sinh năm 1994 tại tỉnh Tiền Giang

Nơi cư trú 21/414 khu phố 2, phường 1, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang

Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phi H1 và bà Lê Thị Kim H2; Bị cáo có 01 người anh sinh năm 1990, bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Trần Thị B, có 01 người con sinh năm 2018,

Tiền sự: không

Tiền án: 02 lần

Ngày 18/9/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (bản án số 31/2015/HSST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 13/12/2016.

Ngày 25/10/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự (bản án số 44/2018/HSST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 22/6/2020.

Nhân thân:

Ngày 15/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Ngày 26/3/2013 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh trong thời hạn 24 tháng do nghiện ma túy, theo Quyết định số 2998/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 30/3/2017 bị áp dụng biện pháp giáo dục tại phường trong thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 54/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/5/2021, tạm giam từ ngày 03/6/2021, đến ngày 01/9/2021 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 15/9/2021 bị cáo bị bắt tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 2002 tại tỉnh Tiền Giang

Tên gọi khác: L

Nơi cư trú: ấp MTA, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang

Nghề nghiệp: Làm thuê

Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh P và bà Phan Thị Huyền N1; Bị cáo có 01 người em sinh năm 2003, bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thùy T, bị cáo 01 con sinh tháng 10/2021.

Tiền án: không

Tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 28/11/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự theo bản án số 60/2018/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 09/6/2020. Do khi phạm tội bị cáo dưới 16 tuổi nên căn cứ điểm a khoản 1 điều 107 Bộ luật hình sự thì không coi là án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/5/2021, tạm giam từ ngày 31/5/2021, đến ngày 27/8/2021 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 13/9/2021 bị cáo bị bắt tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang.

- *Bị hại:* Trần Hữu T1, sinh năm 2009 (vắng mặt)

Đại diện hợp pháp của bị hại: Trần Thị H3, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Trần Thị B1, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp LAA, xã PTA, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp

2/ Nguyễn Minh T2, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp MP, xã MHĐ, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang

3/ Trần Thị H3, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

4/ Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp XK, xã HX, huyện CL, tỉnh Tiền Giang

- *Người làm chứng:*

1/ Phan Thị Huyền N1, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp MTA, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang

2/ Lê Quốc T3, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

3/ Nguyễn Hoàng T4, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TH, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/5/2021, Nguyễn Phi H điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63V2-8131 chở Nguyễn Thanh N lưu thông trên Quốc lộ 1A từ thị xã Cai Lậy về hướng Mỹ Tho để tìm tài sản trộm. Khi đi ngang nhà chị Trần Thị H3, N và H phát hiện xe đạp điện hiệu SONSU màu đen trắng xám đỏ của con chị H3 là anh Trần Hữu T1 đang dựng trước nhà, gần Quốc lộ 1A, không người coi nên N và H nảy sinh ý định trộm để bán lấy tiền tiêu xài. H đứng ngoài đợi, N lén lút vào dẫn xe ra ngoài. Do xe đạp điện không có chìa khóa khởi động nên H điều khiển xe mô tô gắn biển số 63V2-8131 và dùng chân đẩy xe cùng với N ngồi trên xe đạp điện về hướng Cai Lậy. Khi điều khiển được 01 đoạn khoảng 01km thì bị cơ quan Công an phát hiện.

Vật chứng và đồ vật thu giữ:

- 01 xe đạp điện hiệu SONSU màu đen trắng xám đỏ có rổ phía trước và 01 số bảo hành, hướng dẫn sử dụng;

- 01 xe mô tô 02 bánh gắn biển số 63S1-7646, số khung: WCH0B4UM000979, số máy: P52FMHK000979;

- 01 biển số xe 63V2-8131;

- 01 giấy đăng ký xe mô tô tên chủ xe Nguyễn Minh T2 biển số 63V2-8131, số khung: WCH0B4UM000979, số máy: P52FMHK000979;

- 01 con dao bấm màu bạc;

- 01 điện thoại di động (dạng bàn phím);

- 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa màu đen, trên mũ có chữ PIAGGIO màu trắng;

- 01 áo sơ mi màu đen dài tay;

- 01 cái quần Jean màu xanh;

- 01 đôi dép bằng nhựa;

- 01 đĩa DVD lưu trữ 02 tệp dữ liệu trích xuất từ Camera an ninh của cơ sở Nha khoa Đức Tuấn được lưu hồ sơ vụ án.

Kết luận định giá tài sản số 167 ngày 28/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, kết luận 01 xe đạp điện hiệu SONSU, màu đen trắng xám đỏ, có rổ phía trước trị giá 7.500.000 đồng

Tại cáo trạng số 99/CT - VKSCT ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Phi H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Thanh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phi H và bị cáo Nguyễn Thanh N thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với vợ con

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị B xin Hội đồng xét xử xem xét trả lại 01 xe mô tô biển số 63V2-8131.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phi H và bị cáo Nguyễn Thanh N đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời thừa nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng và không thay đổi, các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38, 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38, 50 Bộ luật hình sự bị cáo Nguyễn Thanh Nam từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điều 47 Bộ luật hình sự

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô số khung: WCH0B4UM000979, số máy: P52FMHK000979; 01 biển số xe 63V2-8131; 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy biển số 63V2-8131, tên chủ xe Nguyễn Minh T2.

Tịch thu tiêu hủy: Một con dao bấm màu bạc; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa màu đen; 01 cái áo sơ mi màu đen dài tay bên trái bên trái có thêu bông màu trắng; 01 cái quần Jean màu xanh, loại quần lửng; 01 đôi dép bằng nhựa đế màu đen, quai đeo màu trắng.

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành 01 biển số xe 63S1-7646

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại Trần Hữu T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H3, Nguyễn Hữu Đ vắng mặt không tham dự phiên tòa. Xét sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy căn cứ vào Điều 292 Bộ luật hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra truy tố xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phi H và bị cáo Nguyễn Thanh N thừa nhận vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 28/5/2021 tại khu vực thuộc ấp M, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang hai bị cáo đã lén lút trộm một chiếc xe đạp điện hiệu Sonsu của bị hại Trần Hữu T1 đang dựng trước nhà. Xét thừa nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, phù hợp với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố. Giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 7.500.000đồng. Vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ một cách cụ thể trước, khi phát hiện tài sản sơ hở thì cùng thống nhất thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo H là người giúp sức, bị cáo N là người thực hiện tội phạm. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đồng phạm giản đơn được quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật hình sự.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với ý thức xem thường pháp luật, vì muốn có tiền tiêu xài, lợi dụng sự sơ hở thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để lấy trộm tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến tài sản hợp pháp của bị hại, đồng thời còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm cho người dân luôn hoang mang lo sợ. Do vậy xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt các bị cáo với mức án thật nghiêm khắc. Tuy nhiên để có một mức án cho phù hợp đối với từng bị cáo trong vụ án, cần xem xét đến nhân thân và mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

* Đối với bị cáo Nguyễn Phi H: bị cáo có nhân thân xấu năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, năm 2013 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh trong thời hạn 24 tháng do nghiện ma túy, năm 2017 bị áp dụng biện pháp giáo dục tại phường trong thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo có 02 tiền án, ngày 18/9/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 138 bộ luật hình sự năm 1999, ngày 25/10/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 22/6/2020, chưa được xóa án tích do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó căn cứ vào điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem đây là tình tiết để giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo. Song ở đây cho thấy bị cáo không chịu cải tạo sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục lao sâu vào con đường phạm tội, bị cáo là người rủ rê, trực tiếp điều khiển xe mô tô và cùng bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đủ cải tạo và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng để phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

*Đối với bị cáo Nguyễn Thanh N: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, ngày 28/11/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự tốt, do khi phạm tội bị cáo dưới 16 tuổi nên căn cứ điểm a khoản 1 điều 107 Bộ luật hình sự thì không coi là án tích, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn để bị cáo H rủ rê tác động là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó căn cứ vào điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự xem đây là tình tiết để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Hữu T1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 xe đạp điện hiệu SONSU màu đen trắng xám đỏ có rổ phía trước và 01 sổ bảo hành, hướng dẫn sử dụng. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành đã xử lý vật chứng trao trả lại xe đạp điện và sổ bảo hành cho anh Trần Hữu T1 xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô 02 bánh gắn biển số 63S1-7646, xe này chị Trần Thị B (vợ bị cáo H) khai mua của người khác nhưng không rõ họ tên, địa chỉ, khi mua không làm giấy tờ mua bán. Tại phiên tòa bị cáo H khai xe mô tô 02 bánh có số khung WCH0B4UM000979, số máy: P52FMHK000979 có biển số 83V2-8131 do

khi đi trộm bị cáo tháo biển số này ra gắn biển số 63S1-7846 vào để tránh bị phát hiện. Qua xác minh số khung: WCH0B4UM000979, số máy: P52FMHK000979 của xe mô tô gắn biển số 63S1-7846 xác định biển số đăng ký là 83V2-8131 do anh Nguyễn Minh T2 ngụ tại ấp MP, xã MHD, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang đứng tên trong giấy đăng ký xe nhưng anh T2 đã bán xe này cho người khác, không nhớ họ tên, địa chỉ, anh T2 không có yêu cầu đối với xe này. Do đó xác định xe mô tô 02 bánh có số khung WCH0B4UM000979, số máy: P52FMHK000979 có biển số đăng ký là 83V2-8131. Chị B1 khai mua xe nhưng cũng không có giấy tờ chứng minh là chủ sở hữu chiếc xe, anh T2 là người đứng tên giấy tờ xe nhưng anh khai bán xe đã lâu và không có yêu cầu đối với chiếc xe, do không xác định được chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe và chiếc xe là phương tiện bị cáo H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô 02 bánh có số khung: WCH0B4UM000979; số máy: P52FMHK000979; 01 biển số xe 63V2-8131; 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy, tên chủ xe Nguyễn Minh T2, sinh năm 1975, nơi đăng ký thường trú: ấp MP, xã MHD, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang, xe hiệu SAVIHA, số máy: P52FMHK000979 số khung: WCH0B4UM000979, biển số 63V2-8131.

Đối với biển số xe 63S1-7646, bị cáo H khai nhận nhặt được biển số xe 63S1-7646 trên đường, sau đó tháo biển số xe 63V2-8131 có số khung: WCH0B4UM000979, số máy: P52FMHK000979 để gắn biển số xe 63S1-7646 vào xe mô tô trên. Biển số xe là do anh Nguyễn Hữu Đ đăng ký, xe cùng biển số xe bị mất trộm vào năm 2017 tại thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nhưng anh Đ không trình báo công an, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã có công văn chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền. Do đó, giao biển số xe 63S1-7646 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với 01 nón bảo hiểm bằng nhựa màu đen, trên nón có chữ PIAGGIO màu trắng; 01 cái áo sơ mi màu đen dài tay bên trái bên phải có thêu bông màu trắng; 01 cái quần Jean màu xanh, loại quần lửng; 01 đôi dép bằng nhựa đế màu đen, quai đeo màu trắng, các tài sản là của bị cáo H và sử dụng khi thực hiện hành vi trộm, các tài sản này cũng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Một con dao bấm màu bạc bị cáo N không có yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Itel là tài sản của bị cáo N. bị cáo không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Ngoài vụ trộm cắp tài sản trên, Nguyễn Phi H và Nguyễn Thanh N khai nhận còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nhưng không nhớ rõ địa điểm cụ thể, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã có công văn chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cái Bè để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền.

[8] Xét quan điểm luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phi H, Nguyễn Thanh N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Phi H và bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phi H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/9/2021, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 31/5/2021 đến ngày 31/8/2021.

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 13/9/2021, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 28/5/2021 đến ngày 26/8/2021.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị hại Trần Hữu T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điều 47 Bộ luật hình sự

Tịch thu tiêu hủy:

Một con dao bấm màu bạc; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa màu đen, trên nón có chữ PIAGGIO màu trắng; 01 cái áo sơ mi màu đen dài tay bên trái bên trái có thêu bông màu trắng; 01 cái quần Jean màu xanh, loại quần lửng; 01 đôi dép bằng nhựa đế màu đen, quai đeo màu trắng .

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô hai bánh kiểu dáng xe Wave màu đen bạc có 01 kính chiếu hậu bên trái, không có bửng, số khung: WCH0B4UM000979, số máy: P52FMHK000979; 01 biển số xe 63V2-813; 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy, tên chủ xe Nguyễn Minh T2, sinh năm 1975, nơi đăng ký thường trú: ấp MP, xã MHĐ, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang, xe hiệu SAVIHA, số máy: P52FMHK000979 số khung: WCH0B4UM000979, biển số 63V2-8131

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh N 01 điện thoại di động màu xanh hiệu ITEL.

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành 01 biển số xe 63S1-7646 để giải quyết theo thẩm quyền.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Phi H, bị cáo Nguyễn Thanh N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công an huyện Châu Thành, tỉnh TG;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh TG;
- THADS huyện Châu Thành, tỉnh TG;
- Sở Tư pháp tỉnh TG;
- Người tham gia TT;
- lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà